

Số: 244/2017/DS-PT

Ngày: 21/9/2017

V/v: “*Tranh chấp di sản
thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Kim Cua

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2017/TLPT-DS, ngày 07 tháng 9 năm 2017 về “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84a/2017/DS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 223/2017/QĐPT-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

- Bà Quách Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1942 (Có mặt)

- Ông Quách Long Đ1, sinh năm: 1953 (Có mặt)

- Bà Quách Thị Ngọc L, sinh năm: 1956 (Có mặt)

- Bà Quách Thị Ngọc T, sinh năm: 1952

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1956 (chồng bà T). Có mặt

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Quách Minh P, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2017). Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm: 1961 (Có mặt)

- Anh Quách Thanh L1, sinh năm: 1985 (Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Văn T2, sinh năm: 1948 (Có mặt)

- Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm: 1951 (vợ ông T2 vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Quách Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm các nguyên đơn bà Quách Thị Ngọc Đ, ông Quách Long Đ1, bà Quách Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn N (đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị Ngọc T) cùng trình bày:

Cha mẹ của các ông, bà là ông Quách Văn T3, sinh năm 1912 đã chết vào năm 1984 và mẹ là bà Phạm Thị L2, sinh năm 1918, đã chết vào năm 2003.

Ông Quách Văn T3 và bà Phạm Thị L2 có 05 (năm) người con là: Bà Quách Thị Ngọc Đ, bà Quách Thị Ngọc T, bà Quách Thị Ngọc L, ông Quách Long Đ1 và ông Quách Minh P.

Ông T3 và bà L2 chết không để lại di chúc và ông bà có để lại phần đất có diện tích là 12.615m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, do bà Phạm Thị L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc thực tế, phần đất do bà L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích như sau:

- Phần đất vườn thuộc các thửa 977, 978, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 161, tờ bản đồ số 16), diện tích 4.685,1m², thửa 986, 987, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 204, tờ bản đồ số 16) diện tích 2.728,9m² (trong đó có bao gồm 450m² đất thổ mộ).

- Phần đất ruộng thuộc thửa 1423, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 57, tờ bản đồ số 22), diện tích 2.444,5m² và một phần thuộc thửa 2392, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.011,1m².

Do ông T3 và bà L2 chết không để lại di chúc nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất do bà L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

Ông Quách Long Đ1 yêu cầu được chia phần đất có diện tích là 1.482,8m², thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16, trong đó có bao gồm 450m² đất thổ mộ và yêu cầu được chia giá trị bằng tiền của 1/5 diện tích thửa 57, tờ bản đồ số 11.

- Bà Quách Thị Ngọc T yêu cầu được chia phần đất có diện tích là 1.482,8m², thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tại vị trí phần đất bà đang quản lý, sử dụng.

- Bà Quách Thị Ngọc L yêu cầu được chia phần đất có diện tích là 1.482,8m², thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tại vị trí phần đất bà đang quản lý, sử dụng.

- Bà Quách Thị Ngọc Đ yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền của 1/5 tổng diện tích các thửa nêu trên.

Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay, phần đất thuộc thửa 977, 978, tờ bản đồ số 02 (nay thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16) và phần đất thuộc thửa 986, 987 (nay thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16) có tổng diện tích là 7.480,7m² các nguyên đơn yêu cầu chia đều tổng diện tích đất nêu trên, mỗi người được nhận là 1.496,14m².

Đối với phần đất thuộc thửa 2392, tờ bản đồ số 02 nằm trong quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị L2, trước đây các nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này, nhưng hiện nay các nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này.

Ngoài ra, các đồng nguyên đơn còn cho rằng: Ngoài phần diện tích đất ông T3, bà L2 còn để lại một ngôi nhà, nền lát gạch tàu, vách xây tường, mái lợp tôn tuýp rô, không bê tông, cốt thép được xây cất trên phần đất thuộc thửa 978 (nay là thửa 161), hiện nay, ông P quản lý để thờ cúng cha mẹ. Các nguyên đơn không có tranh chấp gì liên quan đến ngôi nhà này và không yêu cầu tính giá trị ngôi nhà này vào khối di sản mà bà L2 để lại để chia thừa kế mà chỉ yêu cầu chia đối với phần đất.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Các đồng nguyên đơn rút yêu cầu chia phần đất ruộng diện tích 2.444.5m² thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 22. Đối với yêu cầu của ông T2 về việc yêu cầu tất cả những người con của bà L2 làm thủ tục sang tên phần đất này cho ông T2 thì các nguyên đơn đồng ý làm thủ tục sang tên phần đất này cho ông T2.

- Nguyên đơn là ông Đ1 chỉ yêu cầu nhận 1.130,2m² đất thuộc thửa 204, trong đó có 450m² đất thổ mộ, ông không yêu cầu nhận phần còn thiếu so với kỷ phần của mình.

- Nguyên đơn là bà T (đại diện ủy quyền là ông N) chỉ yêu cầu được nhận 1.084,9m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16 mà bà T đang quản lý, canh tác, ông bà không yêu cầu nhận phần còn thiếu so với kỷ phần của mình.

- Nguyên đơn là bà L yêu cầu nhận toàn bộ diện tích 1.514,1m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16 mà bà đang quản lý, sử dụng nếu phần đất bà được nhận thừa kế ít hơn so với phần đất bà đang quản lý, sử dụng là 1514,1m² thì bà đồng ý hoàn tiền chênh lệch lại cho ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Quách Minh P trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của các nguyên đơn về năm sinh, năm mất của ông Quách Văn T3 và bà Phạm Thị L2, về thành phần các anh chị em trong gia đình cũng như về phần diện tích đất hiện tại do bà Phạm Thị L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông P cho rằng ngoài phần đất này ra thì ông cũng như các anh chị em khác đều có phần đất riêng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những phần đó; phần đất riêng của ông P mà ông được cha mẹ cho trước đây và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 14.000m². Hiện nay, ông P là người thờ cúng ông T3, bà L2. Trước yêu cầu trên của các nguyên đơn thì ông Quách Minh P không đồng ý mà yêu cầu giữ lại toàn bộ phần đất mà bà L2 để lại để thờ cúng chứ không chia nữa.

Tại phiên tòa, ông P đồng ý chia cho bà T, bà L phần diện tích mà hai bà đang quản lý, sử dụng, ông không yêu cầu bà L phải hoàn tiền cho ông giá trị phần đất nhận dư so với kỷ phần của bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc A trình bày:

Toàn bộ phần đất hiện tại đang có tranh chấp thì trước đây bà và ông P đã phải cải tạo, san lấp mới có được như ngày hôm nay. Nay, trước yêu cầu của các nguyên đơn thì bà không có ý kiến mà để ông P toàn quyền quyết định.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T2 trình bày:

Vào năm 1996, ông T2 có nhận cầm cố 3.500m² đất do ông P là người đứng ra cầm cố với giá 37,5 chỉ vàng 24k, hai bên thỏa thuận hết thời hạn 10 tháng từ ngày lập giấy tay nếu ông P không chuộc lại thì phải sang tên đất cho ông T2, hết hạn ông P vẫn không chuộc và hứa sang tên nhưng không thực hiện nên ông T2 khiếu nại ra Ủy ban nhân dân xã T để giải quyết thì sau đó mới biết đất còn đứng tên bà L2. Hiện

nay bà L2 đã chết, phần đất này nằm trong phần di sản đang tranh chấp giữa những người con của bà L2, hiện nay là thửa số 57, tờ bản đồ số 22. Ông yêu cầu những người con của bà L2 gồm ông P, Đ1, bà L, T và bà Đ phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng phần đất trên cho ông, theo kết quả đo đạc thực tế 2.444,5m²

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Quách Thanh L1 trình bày:

Hiện nay, anh và vợ là chị Nguyễn Thị Bé T1 được cha là ông Quách Minh P cho cất nhà trên phần đất thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16, mà cha anh và các nguyên đơn đang tranh chấp thừa kế, tranh chấp này là giữa cha anh và các đồng nguyên đơn, vợ chồng anh không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào Điều 675, 676, 685, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 131, 243, 245 của bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Ngọc Đ, bà Quách Thị Ngọc T, ông Quách Long Đ1, bà Quách Thị Ngọc L về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị L2 để lại, cụ thể như sau:

Ông Quách Long Đ1 được nhận phần đất diện tích 1.130,2m² thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, trong đó có 450m² đất thổ mộ. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Tây giáp thửa 203, tờ bản đồ số 16 của anh Quách Minh H.
- + Phía Nam giáp thửa 241, tờ bản đồ số 16 của anh Quách Long Đ1.
- + Phía Đông giáp thửa 205, tờ bản đồ số 16 của anh Quách Văn C.
- + Phía Bắc giáp đường nhựa.

(Có họa đồ kèm theo).

- Bà Quách Thị Ngọc T được nhận phần đất diện tích 1.084,9m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp đường
- + Phía Đông giáp đường
- + Phía Tây giáp thửa 161, tờ bản đồ số 16 còn lại (phần ông Quách Minh P đang canh tác).

(Có họa đồ kèm theo).

- Bà Quách Thị Ngọc L được nhận phần đất diện tích 1.514,1m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 161, tờ bản đồ số 16.
- + Phía Đông giáp đường
- + Phía Tây giáp thửa 202, tờ bản đồ số 16 của ông Quách Minh H.
- (Có họa đồ kèm theo).

- Bà Quách Thị Ngọc Đ nhận giá trị bằng tiền của 1/5 di sản với tiền 234.621.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng). Ông Quách Minh P có nghĩa vụ trả cho bà Quách Thị Ngọc Đ số tiền 234.621.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng) nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Quách Minh P được nhận các phần đất như sau:

- Phần đất diện tích 2.086,1m² còn lại thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp đường
- + Phía Đông giáp thửa 16, tờ bản đồ số 16 còn lại (phần chia cho bà T).
- + Phía Tây giáp thửa 161, tờ bản đồ số 16 còn lại (phần chia cho bà L).

Phần đất có diện tích 1.665.4m² còn lại thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16 (Giáp phần ông Đ1 được nhận).

(Có họa đồ kèm theo).

- Công nhận phần đất diện tích 2.444,5m² thuộc thửa 1423, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 57, tờ bản đồ số 22), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn T2 và bà Lê Thị Thu H1. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp thửa 62
- + Phía Đông giáp thửa 58 và rạch
- + Phía Tây giáp thửa 24, thửa 56

(Có họa đồ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được nhận theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/8/2017, ông Quách Minh P kháng cáo

Theo đơn kháng cáo của ông Quách Minh P và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông P không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm. Ông cho rằng theo tờ tương phân thì cụ T3 và cụ L2 đã chia đất cho các con, phần đất còn lại là đất hương quả dùng vào việc thờ cúng không được chia cũng như sang bán. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Cụ L2 chết không để lại di chúc, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất của cụ L2 để lại. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là có căn cứ. Ông P kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Quách Minh P và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bên tranh chấp đều thống nhất, cụ Quách Văn T3, chết năm 1984 và cụ Phạm Thị L2, chết năm 2003, hai cụ chết không có để lại di chúc. Cụ T3 và cụ L2 có 05 người con gồm: bà Quách Thị Ngọc Đ, bà Quách Thị Ngọc T, bà Quách Thị Ngọc L, ông Quách Long Đ1, ông Quách Minh P. Riêng phần đất cụ T3, cụ L2 để lại có diện tích 12.615m² các bên tranh chấp không thống nhất. Theo đó các nguyên đơn cho rằng phần đất này là di sản của cụ T3 và cụ L2 chết để lại. Phía bị đơn ông P thì cho rằng đất này là đất hương quả dùng vào việc thờ cúng và ông đang là người cúng giỗ ông bà nên không đồng ý chia thừa kế. Hơn nữa, trước đây

cụ T3 và cụ L2 cũng đã chia đất cho tất cả các con rồi, thể hiện bằng tờ tương phân lập ngày 18/01/1970 dl.

[2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Phạm Thị L2 đứng tên ngày 27/7/1996, diện tích 12.615m^2 , thuộc các thửa 977, 978, 986, 987, 1423 và 2392, cùng tờ bản đồ số 02 tại xã T, huyện C. Các phần đất này hiện do ông P đang canh tác và bà T, bà L có canh tác một phần. Ngoài ra, còn có căn nhà trên đất của cụ T3 và cụ L2 nhưng không ai tranh chấp. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất lập ngày 03/6/2014 thì phần đất tranh chấp được tách ra thành 5 thửa, trong đó có phần diện tích 450m^2 là đất thổ mộ để chia cho 4 thừa kế của cụ T3 và cụ L2.

[3] Đối với phản bác của ông P về việc không đồng ý chia thừa kế. Xét thấy, tờ thuận phân lập ngày 18/01/1970 và trình bày của các đồng thừa kế của cụ T3, cụ L2 thì hai cụ đã phân chia đất cho tất cả các con, trong đó ông Quách Minh P cũng được chia một phần. Tất cả những người được chia đất đã quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó đây là nội dung tặng cho đất của hai cụ đối với các con. Riêng đối với diện tích đất 12.615m^2 do cụ L2 đứng tên quyền sử dụng thì bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh đây là đất hương quả dùng vào việc thờ cúng nên phần đất này được xem là di sản của cụ T3, cụ L2 chưa chia. Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản này là có căn cứ.

[4] Di sản của cụ T3, cụ L2 đã được cấp sơ thẩm chia cho: bà T được chia $1.084,9\text{m}^2$; bà L được chia $1.514,1\text{m}^2$; ông Đ1 được chia $1.130,2\text{m}^2$, trong đó có 450m^2 là đất thổ mộ; bà Đ được chia 234.612.000 đồng là giá trị của $1.665,4\text{m}^2$; bị đơn ông P được chia phần còn lại là $2.086,1\text{m}^2$. Đối với phần đất còn lại thuộc thửa 1423, diện tích $2.444,5\text{m}^2$ các nguyên đơn không tranh chấp và đồng ý sang tên cho ông Trần Văn T2, bà Lê Thị Thu H1 và bản án sơ thẩm đã ghi nhận. Như vậy, di sản của cụ T3, cụ L2 đã được chia theo pháp luật, theo đó ông P được chia nhiều hơn các đồng thừa kế khác là đã có xem xét đến công sức gìn giữ và bảo quản tài sản của ông. Do đó toàn bộ kháng cáo của ông P không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ, bà L, bà T, ông Đ1, ông T2, bà H phải chịu theo quy định của pháp luật. Riêng ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(2086,1\text{m}^2 - 300\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng}) + (300\text{m}^2 \times 320.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 18.195.750 \text{ đồng}$ (làm tròn 18.196.000 đồng) nhưng án sơ thẩm tuyên ông P phải chịu là 18.955.000 đồng là chưa đúng nên điều chỉnh cho phù hợp.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Quách Minh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Quách Minh P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84a/2017/DS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 675, 676, 685, 688 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị Ngọc Đ, bà Quách Thị Ngọc T, ông Quách Long Đ1, bà Quách Thị Ngọc L về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị L2 để lại, cụ thể như sau:

Ông Quách Long Đ1 được nhận phần đất diện tích 1.130,2m² thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, trong đó có 450m² đất thổ mộ. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Tây giáp thửa 203, tờ bản đồ số 16 của anh Quách Minh H.
- + Phía Nam giáp thửa 241, tờ bản đồ số 16 của anh Quách Long Đ1.
- + Phía Đông giáp thửa 205, tờ bản đồ số 16 của anh Quách Văn C.
- + Phía Bắc giáp đường nhựa.

(Có họa đồ kèm theo).

- Bà Quách Thị Ngọc T được nhận phần đất diện tích 1.084,9m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam, phía Đông giáp đường
- + Phía Tây giáp thửa 161, tờ bản đồ số 16 còn lại (phần ông Quách Minh P đang canh tác).

(Có họa đồ kèm theo).

- Bà Quách Thị Ngọc L được nhận phần đất diện tích 1.514,1m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 161, tờ bản đồ số 16.
- + Phía Đông giáp đường
- + Phía Tây giáp thửa 202, tờ bản đồ số 16 của ông Quách Minh H.
- (Có họa đồ kèm theo).

- Bà Quách Thị Ngọc Đ nhận giá trị bằng tiền của 1/5 di sản với tiền 234.621.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng). Ông Quách Minh P có nghĩa vụ trả cho bà Quách Thị Ngọc Đ số tiền 234.621.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng) nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Quách Minh P được nhận các phần đất như sau:

- Phần đất diện tích 2.086,1m² còn lại thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp đường
- + Phía Đông giáp thửa 16, tờ bản đồ số 16 còn lại (phần chia cho bà T).
- + Phía Tây giáp thửa 161, tờ bản đồ số 16 còn lại (phần chia cho bà L).

Phần đất có diện tích 1.665,4m² còn lại thuộc thửa 204, tờ bản đồ số 16 (Giáp phần ông Đ1 được nhận).

(Có họa đồ kèm theo).

- Công nhận phần đất diện tích 2.444,5m² thuộc thửa 1423, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 57, tờ bản đồ số 22), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn T2 và bà Lê Thị Thu H1. Đất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp rạch.
- + Phía Nam giáp thửa 62
- + Phía Đông giáp thửa 58 và rạch
- + Phía Tây giáp thửa 24, thửa 56
- (Có họa đồ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được nhận theo quy định pháp luật.

2. Ông Quách Minh P phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.246.640đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) chi phí đo đạc, định giá cho ông Quách Long Đ1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Quách Minh P phải chịu 18.196.000đ (Mười tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Quách Thị Ngọc Đ phải chịu 11.731.000đ (Mười một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 1.885.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002340 ngày 24/7/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà Đ còn phải nộp tiếp số tiền 9.846.000đ (Chín triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Quách Thị Ngọc L phải chịu 11.355.700đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 1.885.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002341 ngày 24/7/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền 9.470.700đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm đồng).

- Bà Quách Thị Ngọc T phải chịu 8.136.700đ (Tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 1.885.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002339 ngày 24/7/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền 6.251.700đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi một nghìn bảy trăm đồng).

- Ông Quách Long Đ1 phải chịu 8.476.500đ (Tám triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ1 đã nộp là 1.885.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002342 ngày 24/7/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ1 còn phải nộp tiếp số tiền 6.591.500đ (Sáu triệu năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng)

- Ông Trần Văn T2, bà Lê Thị Thu H1 phải liên đới chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T2, bà H1 đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009042 ngày 15/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Án phí dân sự phúc thẩm ông Quách Minh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0023709 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Ngọc Dũng

Khấu Thị Thu Trang

Lê Thanh Triều

Huỳnh Ngọc Dũng